TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG TÀI
TỈNH BẮC NINH
Bản án số:17/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21/12/2023
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Sướng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Đức Hùng; Ông Nguyễn Xuân Quốc: .
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Toà án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lương Tài xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXX - ST, ngày 15/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 Có mặt
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 Vắng mặt
Đều HKTT: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn K thống nhất trình bày: Anh chị kết hôn vào ngày 06/11/2015 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã B, huyện L đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuân vợ chồng theo chị N trình bày: Phát sinh do sau khi sinh con thứ 2, hoàn cảnh kinh tế vợ chồng khó khăn nên vợ chồng bàn nhau để anh K đi nước ngoài làm ăn kinh tế vào năm 2019, anh K đi hàn quốc; Trong thời gian anh K đi nước ngoài vợ chồng sống xa nhau, anh K đi làm không gửi tiền về cho chị mà chỉ gửi cho mẹ đẻ, anh K không còn quan tâm vợ con, không còn liên lạc nữa, nhiều lần chị liên lạc với anh K nhưng không được dẫn tới vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; Đến tháng 8 năm 2023 anh K về nước thì vợ chồng cũng không tìm được tiếng nói chung mà lại tiếp tục xảy ra cãi vã không thể hàn gắn được; Đến tháng 10 năm 2023, chị bỏ về nhà đẻ sinh sống từ đó đến nay vợ chồng chấm dứt quan hệ không liên lạc gì. Thực tế vợ chồng đã không còn tình cảm từ khi anh K đi nước ngoài, gia đình hai

bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lương Tài.

Mâu thuẫn vợ chồng theo anh K trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do bất đồng quan điểm trong thời gian anh đi nước ngoài từ năm 2019 và khi anh trở về, vợ chồng không còn hợp nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không quan tâm nhau. Tháng 10/2023 chị N đã chuyển về nhà đẻ ở cho đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Sau khi vợ chồng sống ly thân thì anh có đến hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tại bản tự khai ngày 19/10/2023 anh trình bày nhất trí ly hôn với chị N nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải anh chưa muốn ly hôn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Nay anh được biết chị N làm đơn xin tha thiết xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lương Tài thì quan điểm của anh là không nhất trí ly hôn vì anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm.

Về con chung: Chị N và anh K trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018; Hiện các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường; Cháu Nguyễn Thị Tuyết N1 đang được anh K trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018; Trường hợp phải ly hôn chị N và anh K đều thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung chưa đặt ra đối với anh K và chị N; Anh K và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản;

Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh K đều trình bày: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị N xin được ly hôn với anh K; Đồng ý giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết; Về tài sản và công nợ không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài phát biểu quan điểm cho rằng: Việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28,30,39, 147, 227, 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N : Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn K .

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết; Anh K và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa.

Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại các khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào ngày 06/11/2015 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã B, huyện L nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới, chị N về làm dâu và chung sống tại nhà anh K tại thôn T, xã B. Vợ chồng sống hòa thuận và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Năm 2019, anh K đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ đó, hai vợ chồng ít liên lạc và thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Tháng 8 năm 2023, anh K về Việt Nam nhưng vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, đến tháng 10/2023, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống và nuôi con. Từ đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân, không liên lạc với nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết xin ly hôn.

Đối với bị đơn, qua việc xác minh, lấy lời khai, anh K xác nhận việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị N trình bày là đúng. Nay anh K xác định vẫn còn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh K không cung cấp cho Tòa án biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Như vậy, xét thấy mâu thuẫn của chị N và anh K đã trở nên trầm trọng nhưng không ai có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Chị N xác định chị và anh K đã ly thân và không còn sống chung nhà. Do đó, dù có duy

trì hôn nhân của chị N và anh K về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh K trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018; Trường hợp phải ly hôn chị N và anh K đều thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên cần được chấp nhận phù hợp với pháp luật.

Tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh K không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết

Về tài sản và công nợ: Chị N và anh K trình bày: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28,35.39,147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 khoản 1, Điều 51, Điều 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N : Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn K .

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 26/6/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/12/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết; Anh K và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản;

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008367 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng amwtj có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Lương Tài;*
- *THADS huyện Lương Tài*
(khi án có hiệu lực PL);
- *Phòng GĐ TAND Tỉnh Bắc Ninh;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;.*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Sướng